

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/4/2023.
V/v: “Xin ly hôn,
chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP B-TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Minh Huệ

Ông Phan Anh Dũng

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thanh -Cán bộ Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. B: Ông Mai Văn Thông- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP B có mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 47/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Xin ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn, nợ chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 372/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2023.

- Nguyên đơn: ông **Hà Đăng Ch**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ 14, KP 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà **Đặng Thị M**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 571/2, khu phố 8A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Ông Hà Đăng Ngh, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Tổ 15, khu phố 2, P. T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2/Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1960

3/Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1964

Cùng địa chỉ: 68A/4, khu phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(ông Ch, bà My, ông Ngh có mặt; ông Hòa, bà Hương có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15/12/2020, các lời khai tại hồ sơ, và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hà Đăng Ch trình bày:

Tôi và chị **Đặng Thị M** quen biết và kết hôn với nhau năm 2003, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra xung đột, do vậy vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống chung của nhau nữa. Vì không muốn hạnh phúc gia đình đổ vỡ, nên chúng tôi đã nhiều lần tạo điều kiện để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng kết quả không thành.

Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay xảy ra cãi vã thường xuyên, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy tôi làm đơn ly hôn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn với vợ là Đặng Thị M để chấm dứt tình trạng hôn nhân hiện nay.

*** Về con chung:** Quá trình chung sống vợ chồng tôi có 04(bốn) con chung:

1. Hà Thị Thanh Th, sinh ngày 27/10/2004;
2. Hà Thị Đoan Tr, sinh ngày 20/11/2011;
3. Hà Trung H, sinh ngày 23/03/2003;
4. Hà Đặng Bảo L, sinh ngày: 04/11/2022;

Khi ly hôn cháu Hiếu và cháu Thảo đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tôi đồng ý để bà My trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu: Trang, Linh và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ(hai triệu đồng) cho hai cháu.

*** Về tài sản chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về nợ chung:** Hai vợ chồng tôi có nợ ông Hà Đăng Ngh, sinh năm 1980, Chứng minh nhân dân số 151248241 do Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 08/4/2014, địa chỉ tổ 15, khu phố 2, phường T, thành phố B, số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Nay ông Ngh yêu cầu trả nợ thì tôi đồng ý trả ½ số nợ chung của vợ chồng.

Tôi đồng ý trả cho ông Ngh số tiền 150.000.000đ.

*** Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải, lời trình bày tại phiên tòa-Bị đơn bà Đặng Thị M trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Hà Đăng Ch quen biết và kết hôn với nhau năm 2003, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra xung đột. Trong quá trình Tòa giải quyết vụ án tôi nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay xảy ra cãi vã thường xuyên, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài nên tôi cũng muốn được ly hôn. Tuy nhiên, nay tôi muốn vợ chồng thay đổi hàn gắn đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái nên tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng tôi có 04(bốn) con chung:

1. Hà Thị Thanh Th, sinh ngày 27/10/2004;
2. Hà Thị Đoan Tr, sinh ngày 20/11/2011;
3. Hà Trung H, sinh ngày 23/03/2003.
4. Hà Đặng Bảo L, sinh ngày: 04/11/2022.

Tôi không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Trang và Linh, yêu cầu ông Ch cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho cả hai cháu. Cháu Hiếu và cháu Thảo đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện ngày 28/4/2021, tôi có yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà gắn liền diện tích đất tại thửa số 10, tờ bản đồ số 5 phường T, B, Đồng Nai.

Tại phiên tòa hôm nay, tôi xin rút yêu cầu chia tài sản. Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng.

Về nợ chung: Tôi xác nhận nợ ông Hà Đăng Ngh số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Tôi đồng ý trả cho ông Ngh 150.000.000đ

Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 12/4/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Đăng Ngh trình bày:

Vào ngày 04/02/2005, tôi có cho vợ chồng ông Hà Đăng Ch và bà Đặng Thị M vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Khi vay có viết giấy vay nợ, ông Ch bà My ký vào giấy vay. Chúng tôi không thỏa thuận lãi suất nhưng tôi cho thời hạn vay là 10 năm.

Tuy nhiên, nay vợ chồng ông Hà Đăng Ch và bà Đặng Thị M ly hôn, tôi yêu cầu ông Ch bà My phải có trách nhiệm trả nợ cho tôi số tiền 300.000.000đ(Ba trăm triệu đồng).Tôi không yêu cầu lãi suất.

- Tại bản tự khai ngày 14/6/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Hòa và bà Nguyễn Thị Hương trình bày:

Vào năm 2012, vợ chồng ông bà có bán cho vợ chồng ông Ch, bà My diện tích đất 10 X 18m, với giá 200.000.000đ(hai trăm triệu đồng).

Nguồn gốc số tiền thì ông không biết nhưng khi đến mua đất và trả tiền thì có cả hai vợ chồng. Họ không yêu cầu gì nên khi làm giấy mua bán chỉ ghi tên ông Hà Đăng Ch.

Đối với tranh chấp tài sản chung giữa ông Ch, bà My thì ông bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*** Ý kiến đại diện Viện sát nhân dân TP. Biên Hòa:**

Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Qua kiểm sát giải quyết vụ án dân sự từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công làm chủ tọa giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong vụ án này, các đương sự được Thẩm phán xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu đúng thời hạn luật định.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Các đương sự trong vụ án chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí DS-ST: Các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]Về thủ tục tố tụng:

Ông Hà Đăng Ch và bà Đặng Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay có đơn xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, Tòa án nhân dân thành phố B đã thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn Hòa, bà Nguyễn Thị Hương có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về Nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Đăng Ch và bà Đặng Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy

định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc bình thường, về sau này thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Từ đó dẫn đến vợ chồng xích mích, hay xảy ra cãi vã thường xuyên, bất đồng quan điểm không thể hàn gắn được. Mâu thuẫn đã kéo dài từ năm 2021.

Nay ông Ch xin ly hôn, bà My không đồng ý ly hôn muốn được hàn gắn đoàn tụ. Tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà Đặng Thị M đồng ý ly hôn, tại phiên tòa bà không đồng ý ly hôn nhưng bà cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, ông Ch không phụ giúp bà lo cho con cái mà còn gây ra nhiều khó khăn cho bà trong cuộc sống. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bà My không đồng ý ly hôn nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng. Hai bên đã từng xảy ra mâu thuẫn gây thương tích mà địa phương phải can thiệp.

Tại khoản 3 Điều 51 luật Hôn nhân gia đình quy định “Chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi”. Tuy nhiên trong vụ án này, ông Hà Đăng Ch đã nộp đơn yêu cầu xin ly hôn và Tòa án đã thụ lý giải quyết trước khi bà Đặng Thị M có thai và sinh con. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã kéo dài và ngày càng trầm trọng hơn. Bà My không đồng ý ly hôn vì các con chứ không phải vì còn tình cảm với ông Ch. Vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Hà Đăng Ch. Cho Ông Hà Đăng Ch được ly hôn với bà Đặng Thị M.

[2]Về con chung: vợ chồng ông Ch, bà My có 04 (bốn) con chung:

1. Hà Thị Thanh Th, sinh ngày 27/10/2004;

2. Hà Thị Đoan Tr, sinh ngày 20/11/2011;

3. Hà Trung H, sinh ngày 23/03/2003.

4. Hà Đăng Bảo L, sinh ngày: 04/11/2022.

Khi ly hôn cháu Hiếu và cháu Thảo đã đủ 18 tuổi nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà My xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Trang và Linh, yêu cầu ông Ch cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho cả hai cháu.

Ông Ch đồng ý giao con cho bà My trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho 2 cháu Trang và Linh.

Ghi nhận sự thỏa thuận về con chung: Giao hai cháu: Hà Thị Đoan Tr, Hà Đăng Bảo L cho bà Đặng Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Hà Đăng Ch cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng, từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[3]Về tài sản chung: Ông Ch khai tài sản chung vợ chồng không có.

Bà Đặng Thị M xin rút yêu cầu chia tài sản nên đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản của bà Đặng Thị M.

[4] Về nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Ch, bà My. Ông Hà Đăng Ch phải thanh toán cho ông Hà Đăng Ngh số tiền 150.000.000đ; bà Đặng Thị M phải thanh toán cho ông Hà Đăng Ngh số tiền 150.000.000đ.

Ông Ngh không yêu cầu lãi suất.

[6] Về án phí HNGĐ-ST: Ông Hà Đăng Ch phải chịu án phí ly hôn và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Hoàn trả bà Đặng Thị M tạm ứng án phí chia tài sản do bà My rút yêu cầu.

Ông Ch, bà My phải chịu án phí dân sự theo quy định.

Hoàn trả ông Hà Đăng Ngh tạm ứng án phí do yêu cầu của ông được chấp nhận.

Quan điểm của ông Phan Văn Bản- người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn là bà Đặng Thị M phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình 2000.

- Áp dụng Điều 33, 38, 43, 55, 59 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Đăng Ch.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn ly hôn giữa ông Hà Đăng Ch và bà Đặng Thị M.

- Về con chung: vợ chồng ông Ch, bà My có 04 con chung:

1. Hà Thị Thanh Th, sinh ngày 27/10/2004;

2. Hà Thị Đoan Tr, sinh ngày 20/11/2011;

3. Hà Trung H, sinh ngày 23/03/2003.

4. Hà Đặng Bảo L, sinh ngày: 04/11/2022.

Khi ly hôn cháu Hiếu và cháu Thảo đã đủ 18 tuổi nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao hai cháu Hà Thị Đoan Tr, Hà Đặng Bảo L cho bà Đặng Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Hà Đăng Ch cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ(hai triệu đồng)/tháng(mỗi cháu 1.000.000đ/tháng), từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Hà Đăng Ch không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản của bà Đặng Thị M.

- **Về nợ chung:** Ông Hà Đăng Ch có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hà Đăng Ngh số tiền 150.000.000đ. Bà Đặng Thị M có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hà Đăng Ngh số tiền 150.000.000đ.

- **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Ông Hà Đăng Ch phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Hà Đăng Ch đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007876 ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. B.

Ông Hà Đăng Ch phải chịu 300.000đ án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hà Đăng Ch phải chịu án phí dân sự (phần nợ chung) là 7.500.000đ

Bà Đặng Thị M phải chịu án phí dân sự (phần nợ chung) là 7.500.000đ. Được căn trừ vào số tiền 10.000.000đ(mười triệu đồng) tạm ứng án phí bà Đặng Thị M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001333 ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. B. Hoàn trả bà Đặng Thị M số tiền còn lại sau khi đã nộp đủ án phí.

Hoàn trả ông Hà Đăng Ngh số tiền 7.500.000đ(bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông Ngh đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000847 ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. B

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Hà Đăng Ngh) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Hòa, bà Nguyễn Thị Hương có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

-Tòa án tỉnh;

-VKSND Tp B;

-Các đương sự;

-Thi hành án;

-Lưu hồ sơ, Vp.

-Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các hội thẩm nhân dân Thẩm phán- Chủ Tọa phiên tòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ Tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND Tp B;
- Các đương sự;
- Thi hành án;
- Lưu hồ sơ, Vp.
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa